

Số: 724/QĐ-UBND

Lạc Phương, ngày 07 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường huyện 191Q đoạn qua xã Quang Trung, Tiên Động, Nguyên Giáp (Đợt 16)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LẠC PHƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số

254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06 tháng 2 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28/03/2026 của UBND thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 158/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 196/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn của số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH của Quốc hội; áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai và một số nội dung liên quan trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND huyện Tứ Kỳ về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Cải tạo, nâng cấp đường huyện 191Q, đoạn qua xã Quang Trung, Tiên Động, Nguyên Giáp;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường huyện 191Q đoạn qua xã Quang Trung, Tiên Động, Nguyên Giáp;

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất đã được Phòng Kinh tế xã Lạc Phượng xác định; Các biên bản kiểm tra, kiểm kê xác định khối lượng đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất thu hồi, phương án bồi thường, hỗ trợ được lập; Biên bản về việc Thẩm định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường huyện 191Q đoạn qua xã Quang Trung, Tiên Động, Nguyên Giáp (Đợt 16)

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 205/TTr-KT ngày 07 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường huyện 191Q đoạn qua xã Quang Trung, Tiên Động, Nguyên Giáp (Đợt 16) như sau:

- Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu để thực hiện Dự án đường 191Q (Đợt 16) theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không bồi thường (Do hộ gia đình, cá nhân hiến đất) là 208,7 m² (Hai trăm linh tám phẩy bảy mét vuông), đất ở tại nông thôn, đất trồng cây lâu năm (ONT+CLN).

Thông tin thửa đất tại xã Lạc Phượng, thành phố Hải Phòng, chi tiết theo Trích lục bản đồ địa chính, hệ toạ độ VN-2000, tờ bản đồ số 98 (301599-7-c), tờ bản đồ số 99 (301599-7-d), tờ bản đồ số 113 (298599-1-a), tờ bản đồ số 120 (298599-1-c), do Văn phòng Đăng ký đất đai Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng thực hiện và ký duyệt ngày 09 tháng 01 năm 2026.

b) Tổng số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 10 hộ gia đình, cá nhân.

c) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

* Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 10 hộ gia đình, cá nhân: **1.295.892.000 đồng**
(Một tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

+ Bồi thường tài sản, vật kiến trúc: 1.283.734.000 đồng.

+ Bồi thường cây cối, hoa màu: 12.158.000 đồng.

a) Tổng diện tích đất thu hồi nhưng không bồi thường (Do hộ gia đình, cá nhân hiến đất) là 208,7 m² (Hai trăm linh tám phẩy bảy mét vuông), đất ở tại nông thôn, đất trồng cây lâu năm (ONT+CLN).

Thông tin thửa đất tại xã Lạc Phượng, thành phố Hải Phòng, chi tiết theo Trích lục bản đồ địa chính, hệ toạ độ VN-2000, tờ bản đồ số 98 (301599-7-c), tờ bản đồ số 99 (301599-7-d), tờ bản đồ số 113 (298599-1-a), tờ bản đồ số 120 (298599-1-c), do Văn phòng Đăng ký đất đai Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng thực hiện và ký duyệt ngày 09 tháng 01 năm 2026.

b) Tổng số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 10 hộ gia đình, cá nhân.

c) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

* Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 10 hộ gia đình, cá nhân: **1.295.892.000 đồng**
(Một tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

+ Bồi thường tài sản, vật kiến trúc: 1.283.734.000 đồng.

+ Bồi thường cây cối, hoa màu: 12.158.000 đồng.

* Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: Theo dự toán riêng. (Có bảng tổng hợp kèm theo Quyết định này, chi tiết có Hồ sơ trình duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của Hội đồng GPMB thực hiện dự án kèm theo).

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường huyện 191Q đoạn qua xã Quang

Trung, Tiên Đông, Nguyên Giáp có trách nhiệm giao Quyết định này cho các hộ gia đình, cá nhân và chủ sử dụng đất. Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân và chủ sử dụng đất không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản, đồng thời công khai, niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND xã Lạc Phượng và Nhà văn hóa thôn Quan Lộc.

2. Hội đồng BTHTTĐC thực hiện dự án có trách nhiệm thực hiện thanh toán chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước, quản lý quỹ đất đã bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện thủ tục về đất đai theo quy định.

3. Các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt, tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, bàn giao mặt bằng theo quy định.

4. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tứ Kỳ có trách nhiệm cấp kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đúng quy định.

5. Quyết định này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của xã Lạc Phượng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Chủ tịch Hội đồng BTHTTĐC thực hiện dự án; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tứ Kỳ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HĐ, KT.



CHỦ TỊCH

Vũ Duy Sỹ

(Kèm theo Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Lạc Phượng)

STT	HỌ VÀ TÊN	Thông tin thửa đất					Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
		Số tờ	Số thửa	Loại đất	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Diện tích hiến tặng (m²)	Đất	Tài sản, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Tổng cộng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=8+9+10
1	Lương Thị Huế	113	549	CLN	64,9	64,9	-	87.012.000	11.208.000	98.220.000
2	Hà Ánh Dương	98	117	ONT	5,9	5,9	-	136.978.000	-	136.978.000
3	Hà Văn Cường (Hà Ánh Dương)	98	118	CLN	11,0	11,0	-	137.642.000	120.000	137.762.000
4	Lâm Văn Thành	98	123	ONT	6,8	6,8	-	121.881.000	-	121.881.000
5	Nguyễn Văn Tuyên	120	28	CLN	4,6	4,6	-	25.137.000	-	25.137.000
6	Đinh Văn Chi	98	56	ONT	15,5	15,5	-	91.534.000	-	91.534.000
7	Đinh Văn Huy (Đinh Văn Chi)	98	60	ONT	11,5	11,5	-	180.702.000	-	180.702.000
8	Nguyễn Thị Hương	99	343	ONT	6,6	6,6	-	5.418.000	830.000	6.248.000
9	Nguyễn Hồng Quang	113	551	CLN	60,0	60,0	-	288.785.000	-	288.785.000
10	Nguyễn Quốc Trường	98	115	ONT	12,5	12,5	-	208.645.000	-	208.645.000
		98	116	ONT	9,4	9,4				
	TỔNG				208,7	208,7	0	1.283.734.000	12.158.000	1.295.892.000
Một tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu tám trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn.										